

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/DS-ST
Ngày 20 - 4 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cường Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2025/TLST-DS ngày 06/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXX-ST ngày 16/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST - DS ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1956 (CCCD số 030056004180). Trú tại: Số C, ngõ A khu tập thể Z, xã G, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B và ông Nguyễn Doãn T - Luật sư thuộc Văn phòng L. Địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Bắc Ninh (theo Đơn yêu cầu Luật sư và Giấy giới thiệu ngày 26/10/2025 của Văn phòng L) (Đều có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1960 (CCCD số 027060005929). HKTT: Khu phố A C, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Trú tại: Xóm C, thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1988 (CCCD số 027088009135). HKTT: Khu phố A C, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Trú tại: Xóm A, thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1964 (CCCD số 036164015945). Trú tại: Số C, ngõ A khu tập thể Z, xã G, thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963 (CCCD số 027163008029). HKTT:

Khu phố A C, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Trú tại: Xóm C, thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh (Văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Doãn T trình bày:*

Ông Nguyễn Quang Q và ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1960 có quen biết nhau từ khoảng năm 2002 do cùng công tác với nhau tại Nhà máy Z thuộc Tổng cục C - Bộ Q1.

Năm 2017, ông H trúng thầu kinh doanh cây xăng nên ông H có hỏi vay của vợ chồng ông Q và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1964 một số tiền. Do là đồng nghiệp với nhau đã lâu, vợ chồng ông Q, bà M cũng biết nơi ở của ông H nên đã đồng ý cho ông H và con trai của ông H là Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1988 (ông H có vợ là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963) vay 05 lần tiền, cụ thể:

- Ngày 11/12/2017 (Dương lịch) anh T1 cùng ông H đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2017 (Dương lịch) anh T1 cùng ông H đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 14/4/2019 (Dương lịch) anh T1 cùng ông H đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2019 (Dương lịch) anh T1 cùng ông H đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 15/02/2020 (Dương lịch) anh T1 cùng ông H đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 650.000.000 đồng (S trăm năm mươi triệu đồng).

Cả 5 lần vay, ông H và anh T1 đều đến nhà ông Q, bà M để vay tiền, khi vay giữa hai bên đều viết giấy vay do ông Q, bà M là người viết.

Tất cả các giấy vay ông H là người ký tên bên vay. Khi ký xong thì vợ chồng ông Q, bà M giao tiền cho anh T1 con trai của ông H đếm đồng thời anh T1 cũng ký vào trong giấy vay đã nhận đủ số tiền vay từng lần. Trong các giấy vay tiền có lần anh T1 ký vào người làm chứng, có lần anh T1 ký vào người nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 15/2/2020 thì ông H và anh T1 có vay ông Q, bà M số tiền 100.000.000 đồng và ông Q, bà M có làm giấy vay tiền thể hiện “*Gia đình anh H vay thêm gia đình ông Q, bà M 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng). Tổng cộng năm đợt gia đình A H2 đã vay là 650.000.000 đ (Sáu trăm năm mươi triệu). Lãi suất 2%/tháng*” thì cả ông H2 và anh T1 đều ký vào người vay tiền.

Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, hai bên không ghi rõ thời hạn trả tiền mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào vợ chồng ông Q, bà M cần tiền thì báo trước cho ông H2 01 tháng để ông H2 thu xếp trả tiền cho ông

Q, bà M. Cả 5 lần vay tiền ông Q, bà M là người trực tiếp đưa tiền mặt cho anh T1. Ông Q, bà M xác định việc kinh doanh cây xăng là phục vụ mục đích chung của gia đình ông H2, nguồn thu nhập từ việc kinh doanh cây xăng được sử dụng vào cuộc sống của gia đình ông H2.

Từ thời điểm vay đến cuối năm 2020, ông H2 vẫn trả lãi đều cho vợ chồng ông Q, bà M. Đến nay ông Q, bà M không nhớ chính xác ông H2 và bà H1 đã trả cho vợ chồng ông Q, bà M bao nhiêu tiền lãi vì thời gian đã lâu. Từ tháng 01/2021 đến nay ông H2 đã trả cho vợ chồng ông Q, bà M 110.000.000đ tiền lãi và chưa trả tiền gốc nào cho vợ chồng ông Q, bà M. Nhiều lần ông Q, bà M đã đến nhà ông H2 để đòi tiền nhưng không gặp ông H2. Đến khoảng đầu năm 2024 khi đến nhà ông H2 để đòi tiền, qua hỏi thăm từ hàng xóm thì ông Q, bà M biết được ông H2 và gia đình đã bán căn nhà ở địa chỉ Khu phố A C để đến chỗ khác sinh sống. Hiện tại ông H2 và gia đình đang sinh sống tại địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Toàn bộ số tiền cho gia đình ông H2 vay là số tiền của vợ chồng ông Q, bà M tích góp được. Ông Q, bà M xác định toàn bộ số tiền vợ chồng ông Q, bà M cho ông H2 vay để phục vụ việc kinh doanh cho gia đình ông H2 và xác nhận gia đình ông H2 chỉ có các thành viên gồm ông H2, bà H1, anh T1 vay tiền của gia đình ông Q, bà M ngoài ra không còn ai liên quan đến việc vay nợ trên.

Tại đơn khởi kiện, ông Q đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà M số tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng từ thời điểm tháng 01/2021 đến tháng 01/5/2025 là 213.200.000 đồng. Tổng số tiền ông H, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/5/2025 là 863.200.000 đồng. Ngoài ra, ông H, bà H1 và anh T1 còn phải tiếp tục trả lãi cho vợ chồng ông Q, bà M với lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 02/5/2025 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Tại phiên hoà giải, ông Q chỉ yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà M số tiền gốc vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tạm tính cho đến ngày 12/02/2026 là 202.000.000 đồng (đã trừ đi số tiền lãi đã trả là 110.000.000đ). Tổng số tiền ông H, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/02/2026 là 852.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, ông Q đề nghị Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà M số tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tính đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Tổng số tiền ông H, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 863.600.000 đồng (T2 trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông B, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* *Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q trình bày:* Ông nhất trí với lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, ngoài ra ông không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm.

* *Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Tiến H trình bày:* Ông và ông Nguyễn Quang Q có quen biết nhau từ khoảng năm 2002 do cùng công tác với nhau tại Nhà máy Z thuộc Tổng cục C - Bộ Q1.

Năm 2017, ông trúng thầu kinh doanh cây xăng do ông cần tiền có hỏi vay của vợ chồng ông Q một số tiền. Do là đồng nghiệp với nhau, nên ông có vay của vợ chồng ông Q, bà M vay 05 lần tiền, cụ thể:

- Ngày 11/12/2017 (Dương lịch) ông và con trai Nguyễn Tiến T1 đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2017 (Dương lịch) ông và T1 đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 14/4/2019 (Dương lịch) ông và T1 đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2019 (Dương lịch) ông và T1 đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 15/02/2020 (Dương lịch) ông và T1 đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 650.000.000 đồng.

Cả 5 lần vay, ông và cháu T1 đến nhà ông Q, bà M để vay tiền, khi vay giữa hai bên đều viết giấy vay do ông Q là người viết. Mục đích ông vay để kinh doanh xăng dầu và kinh doanh nước sạch phục vụ cho cá nhân ông không phải kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình. Việc vay nợ giữa ông và vợ chồng ông Q, bà, bà M thì chỉ có mình ông và cháu T1 biết còn vợ ông là Nguyễn Thị H1 và các con Nguyễn Quyết T3, sinh năm 1985, cháu Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995 không biết, không liên quan đến việc vay nợ này, không được hưởng lợi từ việc kinh doanh trên, ông và bà H1 đã ly thân với nhau từ lâu.

Tất cả các giấy vay ông là người ký tên bên vay. Khi ký xong thì vợ chồng ông Q giao tiền cho cháu T1 đếm đồng thời cháu T1 cũng ký vào trong giấy vay đã nhận đủ số tiền vay từng lần. Trong các giấy vay tiền có lần cháu T1 ký vào người làm chứng, có lần cháu T1 ký vào người nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 15/02/2020 thì ông và cháu T1 có vay ông Q, bà M số tiền 100.000.000 đồng và có làm giấy vay tiền thể hiện “*Gia đình anh H vay thêm gia đình ông 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng). Tổng cộng năm đợt gia đình A H2 đã vay là 650.000.000 đ (Sáu trăm năm mươi triệu). Lãi suất 2%/tháng*” thì cả ông và cháu T1 đều ký vào người vay tiền.

Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, hai bên không ghi rõ thời hạn trả tiền mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào vợ chồng ông Q, bà M cần tiền thì báo trước cho ông 01 tháng để thu xếp trả tiền cho ông Q, bà M.

Từ thời điểm vay đến cuối tháng 10 năm 2021, ông vẫn trả lãi đều cho vợ chồng ông Q, bà M. Đến ngày 07/12/2023 ông xác nhận có vay của ông Q, bà M số tiền vay 650.000.000đ, đã trả 81.000.000đ tiền gốc và xin trả dần hàng tháng số tiền gốc còn lại là 7.000.000đ/tháng vào ngày 15 hàng tháng và được vợ chồng ông Q, bà M đồng ý. Từ tháng 10/2021 đến nay ông đã trả cho vợ chồng ông Q, bà M tổng số tiền lãi là 110.000.000đ.

Tại phiên hoà giải, Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q yêu cầu, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh giải quyết: Buộc ông và bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tạm tính cho đến ngày 12/02/2026 là 202.000.000 đồng (đã trừ đi số tiền lãi đã trả là 110.000.000đ). Tổng số tiền ông, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/02/2026 là 852.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, ông Q đề nghị Toàán giải quyết: Buộc ông và bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà M số tiền vay gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tính đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ (đã trừ đi số tiền lãi ông H2 đã trả là 110.000.000đ). Tổng số tiền ông, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 863.600.000 đồng.

Quan điểm của ông là nhất trí với số tiền nợ gốc và tiền lãi 863.600.000đ mà ông Q, bà M yêu cầu. Đối với yêu cầu của ông Q buộc vợ ông là bà Nguyễn Thị H1 cùng ông và cháu T1 phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trên cho ông Q, bà M thì ông không nhất trí vì bà H1 không liên quan gì đến việc vay nợ trên, không được hưởng lợi từ việc kinh doanh của cá nhân ông. Ngoài ra do điều kiện kinh doanh không gặp thuận lợi, phải trả nợ nhiều nơi nên ông đề nghị ông Q, bà M cho ông và cháu T1 trả dần số tiền gốc vay 650.000.000đ còn tiền lãi 213.600.000đ ông và cháu T1 xin ông Q, bà M không phải trả số tiền lãi trên.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông H2 không trình bày gì thêm.

** Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Tiến T1 trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Tiến H và bà Nguyễn Thị H1. Anh và bố anh có quen biết với ông Nguyễn Quang Q. Khoảng năm 2016 thì bố anh có vay của ông Nguyễn Quang Q 05 lần với tổng số tiền 650.000.000đ với mục đích kinh doanh cây xăng và kinh doanh nước sạch theo như ông Q trình bày là đúng, cụ thể:*

- Ngày 11/12/2017 (Dương lịch) anh và bố anh đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2017 (Dương lịch) anh và bố anh đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 14/4/2019 (Dương lịch) anh và bố anh đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2019 (Dương lịch) anh và bố anh đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 15/02/2020 (Dương lịch) anh và bố anh đến nhà vợ chồng ông Q, bà M vay 100.000.000 đồng.

Cả 5 lần vay, anh và bố anh đến nhà ông Q, bà M để vay tiền, khi vay giữa hai bên đều viết giấy vay do ông Q là người viết.

Tất cả các giấy vay bố anh là người ký tên bên vay còn anh chỉ ký vào phần người làm chứng và người nhận tiền. Anh không vay tiền vợ chồng ông Q, bà M. Khi bố anh ký xong thì vợ chồng ông Q giao tiền cho anh đếm đồng thời cũng ký vào trong giấy vay đã nhận đủ số tiền vay từng lần.

Tại phiên toà hôm nay, Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà M số tiền vay gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tính cho đến ngày 20/4/2026 là 213.600.000 đồng (đã trừ đi số tiền lãi đã trả là 110.000.000đ). Tổng số tiền ông H, bà H1 và anh phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 863.600.000 đồng. Quan điểm của anh là nhất trí với tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 863.600.000đ mà ông Q yêu cầu nên anh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Q về việc buộc anh cùng với bố anh trả khoản vay nợ trên tuy nhiên do điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh đề nghị ông Q, bà M cho anh và bố anh được trả dần số tiền gốc vay 650.000.000đ còn tiền lãi 213.600.000đ anh và bố anh xin ông Q, bà M không phải trả số tiền lãi trên.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, anh T1 không trình bày gì thêm.

** Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày:* Bà nhất trí với ý kiến và quan điểm của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, không có ý kiến trình bày gì thêm.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Tiến H. Bà và ông H đã ly thân với nhau 07 năm nay rồi, ai có việc người đấy không liên quan đến nhau. Tất cả việc của ông H kinh doanh làm ăn, vay mượn tiền nông, làm ăn ở đâu bà không biết và cũng không tham gia việc ông H làm hay ở đâu. Ông H cũng không cho bà hay nhận được một đồng, một cái nào. Bà không được hưởng lợi từ khoản vay hay việc kinh doanh của ông H nên bà không có trách nhiệm phải trả tiền cho ông Q, ông Q không cho bà vay tiền nên bà không phải trả, ai nợ người đấy trả. Các tài sản ông H để lại, ông H đã cầm Ngân hàng và gán nợ

từ lâu. Bà phải lang bạt nay đây mai đó nên bà không có trách nhiệm trả tiền cho ông Q. Ngoài ra bà không có ý kiến, trình bày bổ sung gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người liên quan bà Hoàng Thị M là đúng pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 262, 266, 271 và 273 của ; các Điều 280; 351; 463, 466, 468, 469 của . Điểm a khoản 1 Điều 13 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Áp dụng khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q: Buộc ông Nguyễn Tiến H và anh Nguyễn Tiến T1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Quang Q, bà Hoàng Thị M số tiền vay gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tính cho đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Tổng số tiền ông H, anh T1 phải liên đới trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử 20/4/2026 là 863.600.000 đồng (T2 trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q về việc bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới cùng với ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải trả số tiền vay gốc và tiền lãi trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,8%/tháng (tức 9,6%/năm) mà các bên đã thoả thuận.

2. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp

của mình bị xâm phạm. Do vậy việc khởi kiện của Nguyên đơn vẫn còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 19/4/2025, Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q có đơn nộp tại Toà án khởi kiện ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang Q, bà Hoàng Thị M tổng số tiền nợ gốc 650.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/5/2025 là 213.200.000đ. Tổng cộng là 863.200.000đ theo giấy vay tiền kèm theo, ông Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Các bên tham gia giao kết hợp đồng tự nguyện, có đủ năng lực, hợp đồng có lập thành văn bản nên vụ án nêu trên là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 06/10/2025 Toà án ra thông báo thụ lý vụ án bổ sung anh Nguyễn Tiến T1 tham gia tố tụng là Bị đơn. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 có địa chỉ tại Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản giữa các bên, trên cơ sở đối chiếu với các quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Toà án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Ngày 31/3/2026, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, không rõ lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 20/4/2026, Tòa án mở lại phiên tòa lần thứ 2 nhưng bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn tiếp tục vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người liên quan trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Do có mối quan hệ quen biết từ khoảng năm 2002 do cùng công tác với nhau tại Nhà máy Z thuộc Tổng cục C - Bộ Q1. Năm 2017, ông Nguyễn Tiến H có hỏi vay của vợ chồng ông Nguyễn Quang Q và bà Hoàng Thị M vay 05 lần tiền, cụ thể: Lần 1, ngày 11/12/2017 (Dương lịch) vay 200.000.000 đồng; Lần 2, ngày 25/12/2017 (Dương lịch) vay 200.000.000 đồng; Lần 3 ngày 14/4/2019 (Dương lịch) vay 100.000.000 đồng; lần 4, ngày 14/8/2019 (Dương lịch) vay 50.000.000 đồng; Lần 5, ngày 15/02/2020 (Dương lịch) vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay là 650.000.000 đồng. Cả 5 lần vay, ông H và anh Nguyễn Tiến T1 (con trai ông H) đều đến nhà ông Q, bà M để vay tiền, khi vay giữa hai bên đều viết giấy vay do ông Q là người viết. Tất cả các giấy vay ông H là người ký tên bên vay. Khi ký xong thì vợ chồng ông Q, bà M giao tiền cho anh T1 con trai của ông H đếm đồng thời anh T1 cũng ký vào trong giấy vay đã nhận đủ số tiền vay từng lần. Trong các giấy vay tiền có lần anh T1 ký vào người làm chứng, có lần anh T1 ký vào người nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 15/2/2020 thì ông H và anh T1 có vay thêm của ông Q, bà M số tiền 100.000.000 đồng và ông Q, bà M có làm giấy vay tiền thể hiện “*Gia đình anh H vay thêm gia đình ông Q, bà M 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng). Tổng cộng năm đợt gia đình A H2 đã vay*

là 650.000.000 đ (Sáu trăm năm mươi triệu). Lãi suất 2%/tháng” thì cả ông H2 và anh T1 đều ký vào người vay tiền. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, hai bên không ghi rõ thời hạn trả tiền mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào vợ chồng ông Q, bà M cần tiền thì báo trước cho ông H2 01 tháng để ông H2 thu xếp trả tiền cho ông Q, bà M. Cả 5 lần vay tiền ông Q, bà M là người trực tiếp đưa tiền mặt cho anh T1. Ông Q, bà M xác định việc kinh doanh cây xăng là phục vụ mục đích chung của gia đình ông H2, nguồn thu nhập từ việc kinh doanh cây xăng được sử dụng vào cuộc sống của gia đình ông H2. Từ thời điểm vay đến cuối năm 2020, ông H2 vẫn trả lãi đều cho vợ chồng ông Q, bà M. Đến nay ông Q, bà M không nhớ chính xác ông H2 và bà H1 đã trả cho vợ chồng ông Q, bà M bao nhiêu tiền lãi vì thời gian đã lâu. Từ tháng 01/2021 đến nay ông H2 đã trả cho vợ chồng ông Q, bà M 110.000.000đ tiền lãi và chưa trả tiền gốc nào cho vợ chồng ông Q, bà M. Nhiều lần ông Q, bà M đã đến nhà ông H2 để đòi tiền nhưng không gặp ông H2. Đến khoảng đầu năm 2024 khi đến nhà ông H2 để đòi tiền, qua hỏi thăm từ hàng xóm thì ông Q, bà M biết được ông H2 và gia đình đã bán căn nhà ở địa chỉ Khu phố A C để đến chỗ khác sinh sống. Hiện tại ông H2 và gia đình đang sinh sống tại địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Nay ông Nguyễn Quang Q làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Q, bà M số tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng tính cho đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Tổng số tiền ông H, bà H1, anh T1 phải trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/4/2026 là 863.600.000 đồng (T2 trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q về việc buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tiến T1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Quang Q, bà Hoàng Thị M số tiền vay gốc là 650.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các Hợp đồng vay trên đều được lập thành văn bản, thể hiện sự tự nguyện của các bên giao kết, không bị ép buộc, lừa dối nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Như vậy ông Q, bà M đã thực hiện đầy đủ các điều kiện của bên cho vay đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Việc ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 không trả nợ cho ông Q, bà M đề nghị được trả dần số tiền vay gốc 650.000.000đ cho đến khi trả hết nợ nhưng ông Q, bà M không nhất trí. Trong quá trình giải quyết vụ án phía Nguyên đơn cho rằng việc ông H, anh T1 vay để kinh doanh xăng dầu để phục vụ phát triển kinh tế gia đình gồm có ông H, bà H1 và anh T1 ngoài ra không còn ai liên quan đến việc vay nợ trên nên đề nghị Toà án buộc ông H, anh T1, bà H1 phải liên đới trả toàn bộ số tiền vay nợ gốc trên nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H vay tiền trên để phát triển kinh tế gia đình mặt khác tại các giấy vay tiền đều không thể hiện mục đích ông H vay tiền để làm gì, phía bị đơn ông H chỉ thừa nhận có vay để kinh doanh xăng dầu phục vụ cho cá

nhân ông không phải kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình. Việc vay nợ giữa ông H và vợ chồng ông Q, bà M thì chỉ có mình ông H và anh T1 biết còn vợ ông là Nguyễn Thị H1 và các con Nguyễn Quyết T3, sinh năm 1985, cháu Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995 không biết, không liên quan đến việc vay nợ này, không được hưởng lợi từ việc vay tiền hay kinh doanh của ông H. Bà H1 trình bày đã ly thân với ông H từ lâu. Vụ án này không thuộc các trường hợp phải liên đới trả nợ theo quy định tại các Điều 24,25,27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông H, anh T1 trả nợ cho ông Q, bà M.

Trong vụ án này mặc dù trong quá trình giải quyết anh T1 không thừa nhận có cùng ông H vay tiền của ông Q, bà M chỉ là người chứng kiến và nhận tiền nhưng việc vay nợ này anh T1 có biết và ký nhận vào phần bên vay tại Giấy vay nợ ngày 15/02/2020, tại phiên toà anh T1 đã thừa nhận cùng với bố anh Nguyễn Tiến H vay số tiền trên của ông Q, bà M. Điều này chứng tỏ, chỉ có ông H và anh T1 đứng ra vay tiền ông Q, bà M số tiền vay nợ gốc là 650.000.000đ. Ngoài ra ông H, anh T1 cũng xác nhận còn nợ ông Q, bà M số tiền vay trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay tiền và ký giấy nợ giữa ông Nguyễn Tiến H3, anh Nguyễn Tiến T1 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông H3, anh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q, bà M số tiền gốc đã vay là 650.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q về việc bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới cùng với ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải trả số tiền vay gốc trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về tiền lãi và lãi suất: Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q về việc đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Tiến T1 phải trả tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng (9,6%/năm) tính từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các Giấy vay nợ các bên có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tuy nhiên phía bị đơn không có ý kiến gì đối với số tiền lãi đã trả từ khi bắt đầu vay đến ngày 01/01/2021, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 0,8%/tháng (9,6%/năm) kể từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử là 213.600.000đ (đã trừ đi số tiền lãi ông H đã trả là 110.000.000đ) là phù hợp quy định của pháp luật và phía bị đơn cũng đồng ý với mức lãi suất và số tiền lãi như trên. Phía Bị đơn chỉ đề nghị xin ông Q, bà M không phải trả số tiền lãi trên nhưng ông Q, bà M không đồng ý. Vì vậy từ những phân tích như trên, Hội đồng xét thấy cần buộc ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q, bà M số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông H, anh T1 còn

10

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,8%/tháng (tức 9,6%/năm) mà các bên đã thoả thuận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q được chấp nhận một phần nên Nguyên đơn ông Q, bà Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm) theo quy định, tuy nhiên ông Nguyễn Quang Q, ông Nguyễn Tiến H, bà Hoàng Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 và 273 của ; các Điều 274, 275, 276, 280; 357; 429, 463, 466, 468, 469 của . Điểm a khoản 1 Điều 13 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Áp dụng khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Quang Q, bà Hoàng Thị M số tiền vay gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 20/4/2026 là 213.600.000đ. Tổng số tiền ông H, anh T1 phải liên đới trả cho vợ chồng ông Q, bà M cả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 863.600.000 đồng (T2 trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q về việc buộc bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới cùng với ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Tiến T1 phải trả số tiền vay gốc và tiền lãi trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,8%/tháng (tức 9,6%/năm) mà các bên đã thoả thuận.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang Q và bà Hoàng Thị M, ông Nguyễn Tiến H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Nguyễn Tiến T1 phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 18.954.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 8 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Cường Dũng